TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 06-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê – Thư ký Toà án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TU xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 242/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/HSST-QĐ ngày 25/12/2019 đối với bị cáo:

Ngô Hữu H, sinh năm 1997 tại Bình Dương; nơi thường trú: Tổ 5, Khu phố U, phường S, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hữu P, sinh năm 1973 và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1977; bị cáo có 02 anh em: Lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/01/2020, có mặt.

Bị hại: Ông Phan Thanh P, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 60 khu phố S, phường R, thành phố Q, tỉnh Đ; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Phước Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 22/3, Tổ 10B, ấp Đ, xã A, thành phố Q, tỉnh Đ; vắng mặt.

- Ông Khưu Ngọc Minh K, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 3, ấp Đ, xã A, thành phố Q, tỉnh Đ; vắng mặt.

- Ông Lê Thanh D, sinh năm 1987; nơi thường trú: Tổ 4, khu phố B, phường S, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (hiện đang tạm giam tại trại tạm giam L, Công an tỉnh Bình Dương); có đơn xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1994 và bà Dương Thị E, sinh năm 1996; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Hữu H và ông Phan Thanh P, ông Nguyễn Minh Tr là những người quen biết nhau. H thường đến nhà ông Tr ở ấp N, xã T, thị xã TU chơi, ông P cũng thường xuyên đến nhà ông Tr gửi xe mô tô biển số 60B1- 302 .63 đi thả lưới bắt cá trên sông Đ.

Khoảng 19 giờ 00 ngày 29/4/2019, sau khi cùng ông Tr đi uống rượu về, H gặp ông P mới đi kéo cá ở sông Đ về. H hỏi mượn xe mô tô của ông P để ra chợ Chí Hùng mua đồ dùng cá nhân, ông P đồng ý và đưa chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen bạc biển số 60B1- 302 .63 cho H mượn. H điều khiển xe đến chợ Chí Hùng thuộc phường S, thị xã TU mua áo khoác. Do hết tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông P mang đi bán. H không trả xe cho ông P mà đến nhà nghỉ Hồng Ngọc thuộc phường S, thị xã TU, Bình Dương thuê phòng ngủ qua đêm. Đến khoảng 10 giờ 00 ngày 30/4/2019, H điều khiển xe đến nhà ông Nguyễn Phước Th là người quen biết ngoài xã hội với H xin ở nhờ. Ngày 02/5/2019, do hết tiền tiêu xài H nói với ông Th xe mô tô biển số 60B1- 302.63 của gia đình H nhưng bị mất giấy tờ, nhờ ông Th tìm người bán xe. Ông Th gặp ông Khưu Ngọc Minh K là bạn ngoài xã hội của ông Th nói xe mô tô biển số 60B1 - 302.63 của người bạn, xe bị mất giấy tờ nhờ tìm người bán. Tin lời ông Th nên ông K liên hệ với Lê Thanh D nói cho ông D biết có xe mô tô của người bạn bị mất giấy tờ nhờ D tìm người bán. Sau đó ông K dẫn ông Th đến khu phố 4, phường An P, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để gặp ông D. Ông D xem xe rồi gọi điện thoại cho người tên Đức Cá Chép (không rõ nhân thân lai lịch) là bạn quen biết ngoài xã hội với ông D đến mua xe mô tô biển số 60B1 -302.63 với giá 2.700.000 đồng. Sau khi đưa tiền cho ông Th thì Đức Cá Chép điều khiển xe mô tô biển số 60B1 - 302.63 đi đâu không rõ. Ông Th cho K số tiền 300.000 đồng, ông Th ăn uống và trả tiền xe ôm hết 600.000 đồng. Khi về đến nhà ông Th đưa cho H số tiền 1.800.000 đồng. H giữ lại 600.000 đồng để chi tiêu cá nhân và đưa cho ông Th số tiền 1.200.000 đồng để lo tiền ăn uống. Ông Th dùng số tiền 1.200.000 đồng H đưa trả tiền ăn uống đã mượn những người dân gần nhà.

Sau khi cho H mượn xe và không thấy H mang xe về trả, ngày 02/5/2019 ông P đến Công an xã T, thị xã TU trình báo vụ việc. Công an xã T lập hồ sơ ban đầu chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU theo thẩm quyền.

Ngày 15/6/2019, cơ quan điều tra mời H đến làm việc, H khai nhận: Sau khi mượn xe mô tô biển số 60B1 -302.63 của ông P, do cần tiền nên H đã không trả lại xe cho ông P như đã hứa mà đưa xe mô tô biển số 60B1 -302.63 cho ông Th nhờ tìm người bán để lấy tiền tiêu xài.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 185/KLTS – TTHS ngày 28/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã TU kết luận xe mô tô hiệu Honda Wave S, màu đen bạc biển số 60B1 – 302.63 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 9.450.000 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 02/11/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU ban hành thông báo truy tìm vật chứng là xe mô tô biển số 60B1 - 302.63 gửi Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Dương (PC02), Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương (PC08) và Công an các huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh Bình Dương nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Phan Thanh P yêu cầu bị cáo Ngô Hữu H bồi thường số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) nhưng bị cáo chưa bồi thường.

Cáo trạng số 245/CT-VKS.TU ngày 28/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Ngô Hữu H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Hữu H mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Ngô Hữu H bồi thường ông Phan Thanh P số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến tranh luận.

Quá trình điều tra bị hại ông Phan Thanh P trình bày: Thống nhất với nội dung cáo trạng đã nêu, yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước Th, ông Khưu Ngọc Minh K và ông Lê Thanh D trình bày: Do không biết xe mô tô biển số 60B1 -302.63 bị cáo H chiếm đoạt của ông P mà có nên khi bị cáo H nhờ bán đã liên lạc và bán xe cho Đức Cá Chép.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị hại vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Hữu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/4/2019, tại ấp N, xã T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, sau khi được ông Phan Thanh P cho mượn xe mô tô hiệu Honda Wave S, màu đen bạc biển số 60B1 – 302.63 để sử dụng, H thực hiện hành vi chiếm đoạt và mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Theo kết luận định giá tài sản số 185/KLTS – TTHS ngày 28/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã TU, xe mô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 9.450.000 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý nghi ngờ, mất lòng tin lẫn nhau trong nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên đã cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phan Thanh P yêu cầu bị cáo Ngô Hữu H bồi thường Eệt hại số tiền 8.000.000 đồng, bị cáo Hiền đồng ý bồi thường. Đây là ý chí tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với ông Nguyễn Phước Th có hành vi nhờ ông Khưu Ngọc Minh K tìm người mua mô tô biển số 60B1 -302.63, ông K có hành vi nhờ ông Lê Thanh D tìm người mua xe mô tô biển số 60B1 -302.63, ông D đã liên lạc với Đức Cá Chép để gặp ông Th mua xe mô tô biển số 60B1 -302.63. Khi thực hiện hành vi ông Th, ông K, ông D không biết xe này do H chiếm đoạt của ông P rồi nhờ ông Th tìm người bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU không xử lý ông Th, K, D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Sau khi bán xe xong ông Th mới biết xe này do H chiếm đoạt của người khác nhưng không biết là của ai nên không trình báo cơ quan Công an. Do hành vi của H là tội phạm ít nghiêm trọng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU không xử lý ông Th về tội Không tố giác tội phạm là phù hợp pháp luật.

Đối với Đức Cá Chép (không rõ nhân thân lai lịch) có hành vi mua xe mô tô biển số 60B1-302.63 do chưa xác định được nhân thân, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU chưa có căn cứ để xử lý, sẽ tiếp tục xác minh làm rõ sau là phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Ngô Hữu H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Ngô Hữu H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Ngô Hữu H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phan Thanh P số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được E hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải E hành án chưa E hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được E hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa E hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được E hành theo quy định tại Điều 2 Luật E hành án dân sự thì người được E hành án dân sự, người phải E hành án dân sự có quyền thỏa thuận E hành án, quyền yêu cầu E hành án, tự nguyện E hành án hoặc bị

cưỡng chế E hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật E hành án dân sự; thời hiệu E hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật E hành án dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Hữu H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU (để E hành);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đỗ Thị Lan Hương